

Bản án số: **10/2020/HNGĐ - ST**

Ngày: 15/06/2020

(V/v tranh chấp Ly hôn)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY – THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thanh Tú - Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lưu Văn Thiệm

2. Ông Tạ Trần Thảo

-Thư ký phiên tòa: Ông Trần Anh Quang - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Cầu Giấy tham gia phiên tòa: Ông Nghiêm Đình Trọng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 06 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 165/2020/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 05 năm 2020 về tranh chấp “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2020/QĐXX-ST ngày 01 tháng 06 năm 2020 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Mai Thanh H, sinh năm 1981

HKTT: Nơ 2, khu 5,3 ha, phường D, quận C, thành phố Hà Nội.

Tạm trú: Số 106 ngõ 337 phố Đ, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội.

Có mặt tại phiên tòa

2.Bị đơn: Anh Nguyễn Chiến T, sinh năm 1973

HKTT: Nơ 2, khu 5,3 ha, phường D, quận C, thành phố Hà Nội.

Hiện đang chấp hành án tại đội 39, K1, trại giam số 6, huyện T, tỉnh Nghệ An.

Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Tại Bản tự khai ngày 08/5/2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Mai Thanh H trình bày như sau:***

Chị và anh Nguyễn Chiến T lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 02/3/2000 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Anh chị kết hôn tự nguyện, có tìm hiểu một thời gian dài trước khi kết hôn, trước đó chưa ai có vợ có chồng.

Sau khi kết hôn, anh chị sống tại nhiều nơi trên địa bàn thành phố Hà Nội cho đến trước khi anh T bị đi chấp hành án một thời gian thì hai vợ chồng về sống cùng nhà với bố mẹ anh T tại Nơ 2, khu 5,3 ha, phường D, quận C, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống thời gian hạnh phúc không được bao lâu thì liên tục xảy ra mâu thuẫn. Anh T là người chồng, người cha thiếu trách nhiệm, không quan tâm đến vợ con. Anh T có quan hệ ngoại tình, chơi bời cờ bạc. Chị đã chịu đựng và tha thứ cho anh T rất nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Đến năm 2014 anh T bị Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội xử phạt 11 năm tù giam về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Chị thấy không còn niềm tin để chờ đợi anh T quay về đoàn tụ vì giữa hai người đã nảy sinh quá nhiều mâu thuẫn đồng thời thời gian xa cách quá lâu, không còn tình cảm với nhau. Chị đề nghị được giải quyết ly hôn với anh .

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Nguyễn Trung Hiếu D, sinh ngày 17/2/2001 và Nguyễn Trung Hiếu S, sinh ngày 17/03/2005. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu S còn cháu D đã đủ tuổi trưởng thành, ở với ai tùy cháu. Các cháu đều đang ở cùng chị từ khi anh T đi chấp hành án. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị có công việc và thu nhập ổn định.

Về tài sản chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về khoản nợ chung: Chị và anh T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

****Tại bản tự khai ngày 22/05/2020, bị đơn là anh Nguyễn Chiến T trình bày:***

Anh và chị Mai Thanh H lấy nhau có đăng ký kết hôn, ngày tháng cụ thể thì anh không nhớ, nơi đăng ký kết hôn là Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Anh chị kết hôn tự nguyện, có tìm hiểu, không bị ai ép buộc, lừa dối, trước đó chưa ai có vợ có chồng. Khi anh cải tạo trong trại giam chị H vẫn gửi quà thăm gặp anh. Nay chị H yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý. Hiện anh đang chấp hành bản án tù giam 11 năm, đã chấp hành được 09 năm 06 tháng 27 ngày. Anh có ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là Nguyễn Trung Hiếu D, sinh ngày 17/2/2001 và Nguyễn Trung Hiếu S, sinh ngày 17/03/2005. Hiện các cháu đều đang do chị H chăm sóc nuôi dưỡng, chị H yêu cầu được nuôi cháu S thì anh đồng ý. Chị H không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con thì anh đồng ý.

Về tài sản chung: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về khoản nợ chung: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Chiến T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt anh.

Tại phiên tòa, chị Mai Thanh H trình bày chị yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Chiến T, đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trung Hiếu S và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, khoản nợ chung. Về án phí chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Cầu Giấy tham gia phát biểu ý kiến tại phiên tòa có ý kiến như sau:**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng: Căn cứ điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân Quận Cầu Giấy thụ lý đơn ly hôn của chị Mai Thanh H là đúng thẩm quyền; tiến hành phân công Thẩm phán, thư ký theo đúng quy định tại điều 195, 197 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Tòa án đã tuân thủ đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án theo điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; đã tiến hành tổng đạt cho các đương sự và Viện kiểm sát đúng quy định tại các điều 177, 178, 179 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; quá trình giải quyết và quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa dân sự sơ thẩm, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần hội đồng xét xử, tiến hành công bố lời khai của đương sự vắng mặt theo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn tham gia đầy đủ các buổi làm việc tại Tòa án, đã thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự tại các điều 70, 71 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; bị đơn đã thực hiện đúng nghĩa vụ khai báo và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ tại các điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 21; khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 điều 56, điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326 quy định về án phí lệ phí Tòa án. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thanh H về việc yêu cầu ly hôn đối với anh Nguyễn Chiến T. Giao con chung là cháu Nguyễn Trung Hiếu S cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Nguyễn Trung Hiếu D đã đủ tuổi trưởng thành nên không xét. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh T cho đến khi có sự thay đổi khác. Về tài sản chung, khoản nợ chung không xét. Về án phí chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Chiến T có hộ khẩu thường trú tại Nơ 2, khu 5,3 ha, phường D, quận C, thành phố Hà Nội. Anh T hiện đang chấp hành án tại Trại giam số 6, huyện T, tỉnh Nghệ An. Quận Cầu Giấy là nơi anh T thường trú trước khi đi chấp hành án phạt tù, vì vậy Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy căn cứ điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 thụ lý vụ án. Anh Nguyễn Chiến T đang chấp hành án

phạt tù nên không thể tham gia hòa giải được. Căn cứ khoản 2 điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được, Tòa án chỉ mở phiên họp công khai chứng cứ và thông báo kết quả công khai chứng cứ cho anh T mà không tiến hành hòa giải vụ án. Anh Nguyễn Chiến T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy: Chị Mai Thanh H và anh Nguyễn Chiến T lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 02/3/2000 tại UBND xã C, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, anh T, chị H phát sinh mâu thuẫn. Hiện anh T đang chấp hành án phạt tù. Hội đồng xét xử nhận thấy thời gian chấp hành bản án của anh T dài, hai bên có khoảng thời gian sống xa cách, bản thân chị H không muốn chờ đợi để vợ chồng quay về đoàn tụ, xác định đã hết tình cảm. Anh T cũng đồng ý ly hôn. Điều này thể hiện hai bên không còn mong muốn tiếp tục cuộc sống vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh T.

[3] Về con chung: Chị Mai Thanh H và anh Nguyễn Chiến T có 02 con chung là Nguyễn Trung Hiếu D, sinh ngày 17/2/2001 và Nguyễn Trung Hiếu S, sinh ngày 17/03/2005. Cháu D đã đủ tuổi trưởng thành và không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng theo khoản 1 điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Tòa không xét. Cháu S hiện đang ở cùng chị H, do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T hiện đang chấp hành án phạt tù, không có khả năng thực tế chăm sóc, nuôi dưỡng cháu S nên xét thấy cần giao cháu S cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Chị H không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh T cho đến khi có sự thay đổi khác.

[4] Về tài sản chung: Anh T, chị H xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

[5] Về khoản nợ chung: Anh T, chị H xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu toàn bộ án phí Ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

Áp dụng: Khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; điều 147; 203; khoản 1 điều 207; khoản 1 điều 228; điều 235; 271; 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Áp dụng: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục mức án phí, lệ phí kèm theo Nghị quyết.

*** Xử:** Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Mai Thanh H đối với anh Nguyễn Chiến T. Chị Mai Thanh H được ly hôn anh Nguyễn Chiến T.

Về con chung: Xác định chị Mai Thanh H và anh Nguyễn Chiến T có 02 con chung là Nguyễn Trung Hiếu D, sinh ngày 17/2/2001 và Nguyễn Trung Hiếu S, sinh ngày 17/03/2005. Cháu Nguyễn Trung Hiếu D đã đủ tuổi trưởng thành nên tòa không xét. Giao cháu Nguyễn Trung Hiếu S cho chị Mai Thanh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Nguyễn Chiến T cho đến khi có sự thay đổi khác.

Anh Nguyễn Chiến T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung và khoản nợ chung: Tòa án không xét.

Về án phí: Chị Mai Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí Ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng số AA/2018/0003403 ngày 27/4/2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Chị Mai Thanh H đã nộp đủ tiền án phí.

Về quyền kháng cáo: Chị Mai Thanh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Chiến T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND Q.Cầu Giấy
- THA DS Q.Cầu Giấy
- UBND xã C, h. B

Tỉnh Lạng Sơn

- Lưu hồ sơ
- Lưu VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Tô Thanh Tú

